

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD2	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
2		AMD+P5+P9	7:25	12+10+0	0+0+0		8+8+6	0+0+0	
3		PPD+P10	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
4		P7+PPD+TD5	9:25	10+11+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
5		AMD+TTC2	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
6		CI+BK10+BK5	11:25	22+0+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
7		CI+BK6	11:25	15+1	0+0		18+3	0+0	

TTPBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: P5 - TD2	CREW: LHAI - KHAI - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUAN TRUONG	P5	09	1	4		75	D-HANH	Vietnamese
2	PHAM NGOC SON	P5	10	1	6		62	D-HANH	Vietnamese
3	DUONG DIEP PHI	P5					78	KHOAN	Vietnamese
4	KARPUNIN A.V	P5	08	1	16		96	KHOAN	Russian
5	NGUYEN TRONG THUY	P5					68	KHOAN	Vietnamese
6	VO THANH NHAT	TD2	40	1	5	50	80	GETRACO	Vietnamese
7	BUI VAN CHINH	TD2					83	KHOAN	Vietnamese
8	LY ANH TUAN	TD2	32	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN BAC	TD2	33	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGOC DO	TD2	34	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NG HUU NAM*PK-PVD	TD2	31	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG DINH THANG	TD2	39	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH QUANG HUY	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
15	DO THANH HUNG	TD2	35	1	3		68	D-HANH	Vietnamese
16	HOANG MANH HUNG	TD2	44	1	4		82	GETRACO	Vietnamese
17	PHAM THANH NHAN	TD2	36-37	2	5		73	GETRACO	Vietnamese
18	DINH ANH DUNG	TD2	38	1	4		80	GETRACO	Vietnamese
19	BUI SI CUONG	TD2	41	1	8		60	GETRACO	Vietnamese
20	LE NGUYEN DUY THONG	TD2	76	1	5		51	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYEN DUY CANH	TD2	43	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
22	DOAN ANH THAI	TD2	42	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	3	26	379	0	5		
2	TD2	17	15	74	1.221	50	17		
TOTAL		22	18	100	1.600	50	22		
WEIGHT KG				100	1.600	50			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2020	TO: AMD - P5 - P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Thanh - VThắng - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	AMD	38-39	2	10		75	TLJOC	Vietnamese
2	TRAN THANH QUANG	AMD	40	1	10		75	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN DAI NGHIA	AMD	48-49	2	11		70	HLJOC	Vietnamese
4	TANG XUAN CHIN	AMD	52-53	2	12		63	HLJOC	Vietnamese
5	DUONG NHAT QUANG	AMD	50-51	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH HAI	AMD	43	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG DUNG	AMD	46-47	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG CONG TAN	AMD	45	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC TUAN	AMD	41	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VIET	AMD	42	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NGHIEP	AMD	54	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG XUAN HAI	AMD	44	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN HAU	P5	56	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
14	NHAM DUC QUANG	P5	89	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUC DUC	P5	60	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	CAO DINH THANH	P5	57	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUYNH	P5	55	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
18	LE XUAN TUYEN	P5					62	KHOAN	Vietnamese
19	NG. XUAN QUANG-PVDT	P5	58	1	4	30	69	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH HUNG	P5	93	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HOA	P5	59	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
22	CONG DUC TAM	P5	63	1	3		66	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

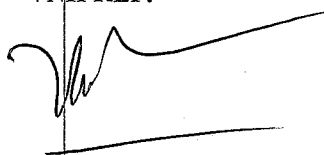
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	17	96	842	0	8		
2	P5	10	9	40	658	30	8		
3	P9	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	26	136	1.500	30	22		
WEIGHT KG				136	1.500	30			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

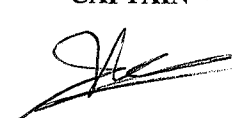
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: PPD - P10	CREW: ATUÁN - HUNG - THU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUÂN HÒA	PPD					83	YTE	Vietnamese
2	KOZYK	PPD	58	1	8		83	D-HANH	Russian
3	IACHIN	PPD	57	1	5		84	D-HANH	Russian
4	HOANG VAN SON	PPD	56	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG PHU SUA	PPD	60	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	64	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH VAN HAI	PPD	61	1	4	12	56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HA	PPD	69	1	4	75	67	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGOC DUNG	PPD	62	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN GIANG	PPD	68	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC TRUONG	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH DUY NAM	PPD	59	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN GIA CHUNG	PPD	66	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	55	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH THANG	PPD	67	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	63	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG TRI DUNG	PPD	65	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET MINH	P10	22-23	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
19	TRUONG TAN LOI	P10	21	1	20		87	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HIEN	P10	19-20	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
21	VU QUOC VUONG	P10	17-18	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN QUOC THINH	P10	16	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	15	83	1.142	87	15		
2	P10	5	8	82	362	0	7		
TOTAL		22	23	165	1.504	87	22		
WEIGHT KG				165	1.504	87			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

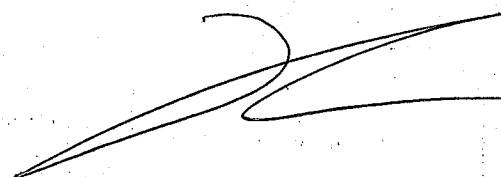
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: P7 - PPD - TD5	CREW: ATUẤN - HÙNG - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀNG THI	P7	08	1	8	20	65	KHOAN	Vietnamese
2	MAI TUẤN KIẾT	P7	09-10	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG TIỀN	P7	07	1	13	8	80	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÔNG HÙNG	P7	06	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG THAI VIỆT	P7	12	1	11		72	DVL	Vietnamese
6	TÀNG TIỀN TOÀN	P7	15	1	11		82	DVL	Vietnamese
7	ĐINH VĂN ĐÔNG	P7	13	1	11		60	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	P7	16-17	2	15		85	DVL	Vietnamese
9	PHAN VINH TRƯỜNG	P7	11	1	10		68	DVL	Vietnamese
10	MAI VĂN DƯƠNG	P7	14	1	13		80	DVL	Vietnamese
11	LUƠNG VĂN TÀNG	PPD	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HOÀI BẢO	PPD	94	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	93	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	95	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	92	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	91	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ VĂN NIỆM	PPD	88	1	4		76	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	PPD	90	1	6		82	PSV	Vietnamese
20	LÊ TRỌNG PHƯƠNG	PPD	89	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	VŨ TIỀN DŨNG	PPD	87	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	10	12	119	746	28	0		
2	PPD	11	10	55	805	0	12		
3	TD5	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	22	174	1.551	28	22		
WEIGHT KG				174	1.551	28			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: AMD - TTC2	CREW: Thanh - VThắng - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HIEU	AMD	64	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH DUNG	AMD	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	55	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH KHOA	AMD	59	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN QUANG	AMD	60	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN THUONG	AMD	65	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO VAN THANG	AMD	56-57	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRAI	AMD	67	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO TRI HUNG	AMD	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THANH DAT	AMD	75-76	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HONG QUAN	AMD	69	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN DUNG	AMD	72-73	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO KIM LAM	AMD	74	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MANH DIEP	AMD	77-78	2	14	10	70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	66	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	DO VAN QUANG	AMD	68	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HUU BINH	AMD	63	1	9		54	PSV	Vietnamese
19	PHAM VAN TUAN	AMD	79	1	5		81	PSV	Vietnamese
20	LE DAC DONG	AMD	70	1	5		56	PSV	Vietnamese
21	LE CONG VIET	AMD	61	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN LAM THANG	AMD	81	1	4		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	26	171	1.470	10	18		
2	TTC2	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		22	26	171	1.470	40	22		
WEIGHT KG				171	1.470	40			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2020	TO: CLI - BK10 - BK5	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

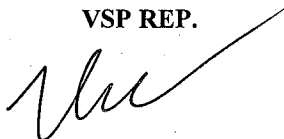
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH LÊ	CLI	60	1	5	85	64	YTE	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L.	CLI	64	1	4		128	KH-THAC	Russian
3	KHAVANJAN R.I.	CLI	65-66	2	12		76	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	CLI	62-63	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	59	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH CÔNG	CLI	52	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THĂNG	CLI	51	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	56	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THAM	CLI					80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC DUNG	CLI					68	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	61	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	45-46	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI QUỐC HÙNG	CLI	57	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VỰ	CLI	44	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TUÂN	CLI	55	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN DAN	CLI	47	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ LAM ĐIỆN	CLI	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH HUAN	CLI	48	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MẠNH THĂNG	CLI	58	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ HAI HẬU	CLI	53	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH THE ANH	CLI	49-50	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

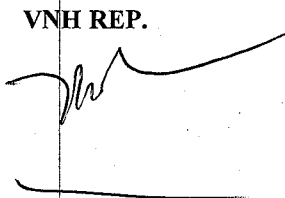
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	23	134	1.651	85	19		
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	BK5	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	23	134	1.651	100	22		
WEIGHT KG				134	1.651	100			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

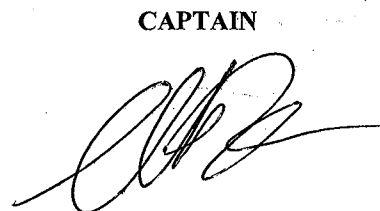
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 7	TO: CLI - BK6	CREW: HÙNG - TRƯỜNG - N.Nam	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	76	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TAN HAU	CLI	51	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG NGẠN	CLI	43,83	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH DUY	CLI	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BINH	CLI	55	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG TRỌNG CHUNG	CLI	78	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HẢI	CLI	39	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ THANH QUANG	CLI	54	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	81	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MẠNH HÙNG	CLI	80	1	12		75	ANTOAN	Vietnamese
11	PHẠM THANH NHA	CLI	77	1	5		81	PSV	Vietnamese
12	LÊ CAO HAI	CLI	42	1	6		63	PSV	Vietnamese
13	CAO VIỆT BẢO	CLI	52	1	8		53	PSV	Vietnamese
14	VŨ HỮU TRƯỜNG	CLI	53	1	3		69	PSV	Vietnamese
15	VUÔNG ĐỨC HUY	CLI	40-41	2	19		91	PSV	Vietnamese
16	VU LE HUNG	BK6	59-60	2	11	25	51	DUYLINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	15	17	100	1.072	0	18		
2	BK6	1	2	11	51	25	3		
TOTAL		16	19	111	1.123	25	21		
WEIGHT KG				111	1.123	25			

GRAND TOAL: 1.259 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CIO	7:25	17	0		22	0	
2		CTK3+TD1	7:25	6+14	0+0		6+16	0+0	
3		PPD+RP3	7:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
4		PPD+CTC1	7:25	13+9	0+0		7+15	0+0	td3 cấp vào thị hạ cánh TD3
5		T.UNG	7:25	17	0		19	0	
6		RC3+RP2	9:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
7		PPD+TD5	9:25	22+0	0+0		15+4	0+0	
8		RP2+P1	11:25	15+2	0+0		16+3	0+0	
9		P5+P7+P4	11:25	2+0+16	0+0+0		0+0+21	0+0+0	CHUYỂN 3 P5- P7

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

-2 DH RA PPD NGÀY 29/6 VỀ NGÀY 30/6;

-3 nguoi DH ra P5 ngày 29/6 chuyển sang P7

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	TO: CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:33
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

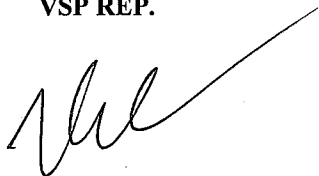
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	63	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	55-56	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	68	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	65	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN BẢO TRUNG ANH	CLO	69-70	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
6	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	60	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	66	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	64	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	57	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	58	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN KIM HÙNG	CLO	54	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
13	VU HẢI LONG	CLO	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	CLO	59	1	5		65	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	67	1	5		60	DVL	Vietnamese
16	ĐO THANH HẢI	CLO	61-62	2	16		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

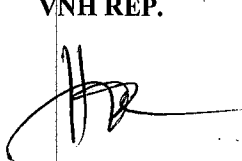
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	19	127	1.130	0	22		
TOTAL		16	19	127	1.130	0	22		
WEIGHT KG				127	1.130	0			

GRAND TOAL: 1.257 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - TD1	CREW: Hồi - KHOÀN - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

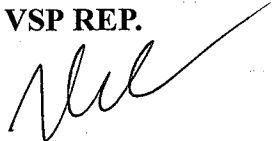
No.	PAXNAME	OBJ'	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	93-94	2	17		81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	98	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	99	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	96-97	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	95-96	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	CTK3	400	1	5		65	SANBAY	Vietnamese
7	KOROTKOV V.A	TD1	44	1	6	30	105	KHOAN	Russian
8	PHẠM XUAN HIEU	TD1	48	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	50	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THIỆU	TD1	55	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	56	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	53	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	54	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỞNG DUƠNG	TD1	52	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	46	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	45	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ MINH TRINH	TD1	51	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TÀI	TD1	49	1	8		55	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD1	47	1	5		58	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

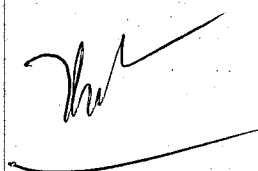
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	9	70	431	0	6		+ 1 KHÁCH NỘI BỘ VE
2	TD1	14	13	81	997	30	16		
TOTAL		20	22	151	1.428	30	22		
WEIGHT KG				151	1.428	30			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: PPD - RP3	CREW: N.Thắng - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	85	1	3		75	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	89	1	13		110	KHI	Russian
3	DUƠNG CHI TUYẾN	PPD	93	1	3		68	KHI	Vietnamese
4	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	91	1	5		74	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	86	1	5	32	79	KHI	Vietnamese
6	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	92	1	3		70	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	90	1	3		84	KHI	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	88	1	5		77	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	87	1	6		74	KHI	Vietnamese
10	REVIKIN V.N	RP3	39	1	10		99	KHI	Russian
11	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	45	1	13		75	KHI	Vietnamese
12	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	48-49	2	14		64	KHI	Vietnamese
13	HA VĂN THUY	RP3	43	1	5		72	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KÝ	RP3	36	1	4		68	KHI	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	40	1	5		80	KHI	Vietnamese
16	PHẠM QUỐC KHANH	RP3				75	86	KHI	Vietnamese
17	VÕ ĐÓN LONG	RP3	44	1	5		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	47	1	3		58	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN HAI	RP3	46	1	10		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	37-38	2	15		75	KHI	Vietnamese
21	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	42	1	7		60	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN AI	RP3	41	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	9	46	711	32	7		
2	RP3	13	14	95	924	75	15		
TOTAL		22	23	141	1.635	107	22		
WEIGHT KG				141	1.635	107			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2020	TO: PPD - CTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - LHàì - HTNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN CUONG	PPD	10	1	5		68	XN KHI	Vietnamese
2	DO VAN TUAN	PPD	13	1	5		78	XN KHI	Vietnamese
3	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	11	1	5		71	XN KHI	Vietnamese
4	NGUYEN THE HUNG	PPD					74	XN KHI	Vietnamese
5	VU THANH BINH	PPD	14	1	5		78	XN KHI	Vietnamese
6	PHUNG VAN CHINH	PPD	02	1	5		78	XN KHI	Vietnamese
7	LUONG MANH DUONG	PPD	05	1	7		63	XN KHI	Vietnamese
8	LE THANH TRUNG	PPD	04	1	6		63	XN KHI	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TU	PPD	12	1	10		77	XN KHI	Vietnamese
10	TRAN QUOC HUNG	PPD	09	1	5		67	XN KHI	Vietnamese
11	DOAN MANH TOAN	PPD				30	88	XN KHI	Vietnamese
12	TRUONG HAI HA	PPD	06-08	3	18		70	XN KHI	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HOANG	PPD	01	1	5		69	XN KHI	Vietnamese
14	KHALIMOV A.A	CTC1	09	1	10		95	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	04	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY HIEU	CTC1	05	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẬU HUY HOANG	CTC1	02-03	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	10	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	07	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	06	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG NGỌC THANH	CTC1	01	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
22	LE TRUNG TIEN	CTC1	08	1	8		69	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	13	76	944	30	7		
2	CTC1	9	10	66	681	0	15		
TOTAL		22	23	142	1.625	30	22		
WEIGHT KG				142	1.625	30			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: VSP	TO: T.UNG	CREW: Thanh - CÔNG	ETA: 10:30
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHÁNH	T.UNG	13	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM MINH TUÂN	T.UNG	23	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	MAKSIMOV	T.UNG	25	1	10		115	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN QUANG TUYỀN	T.UNG	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	09	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG				25	72	KH-THAC	Vietnamese
7	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	16	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	10	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	K'LY	T.UNG	24	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	15	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH NAM	T.UNG	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	18	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN CÔNG	T.UNG	14	1	8		56	PSV	Vietnamese
16	HỒ QUỐC CUƠNG	T.UNG	20-21	2	7		65	PVGAS	Vietnamese
17	BUI VĂN TUÂN	T.UNG	11-12	2	9		73	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	17	96	1.191	25	19		
TOTAL		17	17	96	1.191	25	19		
WEIGHT KG				96	1.191	25			

GRAND TOAL: 1.312 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LÊ TRUNG	RC3	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	10-12	3	12	15	65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THE MANH	RC3				40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO XUÂN THỌ	RC3	15	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
6	TRAN ĐỨC KHANG	RP2	57	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TAPACEHKO A.A	RP2	60	1	15		75	KH-THAC	Russian
8	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	64	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUY HUNG	RP2	56	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN BINH	RP2	51	1	5		65	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LIEM	RP2	55	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOAN VAN THIEM	RP2	59,61	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU VAN DIEN	RP2	49-50	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO VAN DUNG	RP2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO ĐỨC CUONG	RP2	53	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TAN TAI	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ LAM	RP2				90	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG VINH	RP2	54	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUÂN HAI	RP2	63	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN XUÂN SAU	RP2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	5	6	32	345	55	5		
2	RP2	17	16	93	1.185	90	17		
TOTAL		22	22	125	1.530	145	22		
WEIGHT KG				125	1.530	145			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: PPD - TD5	CREW: Hôi - KHOÀN - QTrưởng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRUNG HIEU	PPD	84	1	8		87	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VAN THIET	PPD	78	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TA QUOC CHINH	PPD	79-80	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TRAN VINH	PPD	22	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DINH PHU	PPD	76-77	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN VUI	PPD	15	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN HE	PPD	75,3000	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NAM HOANG	PPD	31	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
9	KIM VAN TINH	PPD	98-99	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VAN CHUNG	PPD	20	1	13	14	49	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG DUONG	PPD	19	1	16		85	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO HONG THANH	PPD	16	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
13	LE XUAN VIET	PPD	17-18	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
14	GALLIAMOV	PPD	23	1	6		75	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN TUAN ANH	PPD	81	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRUNG LAN	PPD	28	1	3		84	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	27	1	3		73	KHI	Vietnamese
18	LE HUY VINH	PPD	29	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	DUONG TRUONG LAM	PPD	25-26	2	12		64	KHI	Vietnamese
20	KHONG TIEN DUNG	PPD	24	1	3		75	KHI	Vietnamese
21	LE HONG HAN	PPD	82-83	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG VAN VIEN	PPD	96-97	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	30	258	1.541	14	15		
2	TD5	0	0	0	0	47	4		
TOTAL		22	30	258	1.541	61	19		
WEIGHT KG				258	1.541	61			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	TO: RP2 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạng - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHÍ CÔNG	RP2	73	1	5	20	89	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC LAN	RP2	74	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	72	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VINH	RP2	78	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	VU HUU QUAN	RP2	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOAN KIM NGAN	RP2	71	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ HOANG CAM	RP2	82	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRUNG KIEN	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM XUAN KHOA	RP2	75	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HONG GIANG	RP2	80	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG THE HIEN	RP2	83-84	2	12		65	NIPI	Vietnamese
12	TRAN VAN VIET B	RP2	76	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYEN BA DUNG	RP2	81	1	6		50	GETRACO	Vietnamese
14	BUI VAN QUOC	RP2	79	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
15	HO VAN THAO	RP2	77	1	2		73	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG THANG	P1	86-87	2	15		83	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHE	P1	85	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

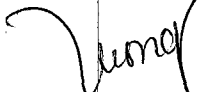
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	15	84	1.030	20	16		
2	P1	2	3	21	149	0	3		
TOTAL		17	18	105	1.179	20	19		
WEIGHT KG				105	1.179	20			

GRAND TOAL: 1.304 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 9	TO: P5 - P7 - P4	CREW: Hôi - MTHAO - DTùng	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE DUC HUY	P5	90,94	2	15		64	T-TIN	Vietnamese
2	YAKIMENKO V.A.	P4	90	1	9	160	109	KHI	Russian
3	ZAGYDAEV V.E	P4	91	1	5		78	KHI	Russian
4	PHAM QUOC DUY	P4	79	1	4		62	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	P4	89	1	2		64	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN LE HUY	P4	88	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	LE VAN HOAN	P4	80	1	5		66	KHI	Vietnamese
8	LE VAN MANH	P4					59	KHI	Vietnamese
9	VU NGOC TUAN	P4	86	1	5		84	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HA	P4	85	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THINH	P4	87	1	9		75	KHI	Vietnamese
12	DUONG DINH HIEN	P4	82	1	4		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG NAM	P4	81	1	5		64	KHI	Vietnamese
14	LE QUANG VINH	P4	83	1	10		75	KHI	Vietnamese
15	TRAN VAN NAM	P4	84	1	5		76	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN MINH GIAU	P4	78	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	2	15	64	0	043		CHUYEN 3 PAX P5 SANG P7
2	P7	0	0	0	0	0	0		
3	P4	15	14	74	1.085	160	21		
TOTAL		16	16	89	1.149	160	21		
WEIGHT KG				89	1.149	160			

GRAND TOAL: 1.398 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN